

Bản án số: 51/2019/HS-ST

Ngày 26/6/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Từ Thanh Đào**

- *Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông: **Nguyễn Việt Thành**

2. Bà: **Huỳnh Văn Nhân**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hải** - Thư ký Toà án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Ông **Trần Bửu Thanh**, kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 - 26 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 41/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Văn D sinh ngày 09/3/2000 tại Kiên Giang. Nơi cư trú: huyện G, tỉnh Kiên Giang; nơi tạm trú: phường A, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: sinh viên; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn N, sinh năm 1979 (sống) và bà: Chiêm Thị Mỹ H, sinh năm 1985 (sống); vợ con: chưa. Tiền án, tiền sự: không.

Bị can bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/12/2018, hiện đang tạm giam tại Nhà Tạm giữ công an quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Bị can có mặt tại phiên tòa.

2. Những người tham gia tố tụng khác:

* Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phan Đăng H, sinh năm 1985 – Công ty Luật TNHH MTV A thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

* Bị hại: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1982. Địa chỉ: phường A, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (có mặt)

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Lê HT**, sinh năm: 1973. Địa chỉ: huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Ông **Lê Nhật T**, sinh năm: 2002. Người giám hộ là bà Lê Thị Thúy L (cô ruột). Địa chỉ: huyện K, tỉnh Sóc Trăng (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 26/12/2018 Lê Văn D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 83PT - 327.65 chở H ngồi phía sau, trên đường đi D hỏi H đi lấy tiền ở đâu thì H nói là đi “giật” thì D đồng ý và ngầm hiểu là đi cướp giật tài sản của người khác để lấy tiền tiêu xài. Lúc này, D tiếp tục chở H ngồi phía sau khi cả hai đi đến trước nhà số phường A, quận Bình Thủy thì phát hiện chị Nguyễn Thị L đang bán cam vắt vỉa hè trước nhà có đeo trên cổ một sợi dây chuyền vàng nên liền nảy sinh ý định cướp giật sợi dây chuyền vàng này. Sau đó, bị cáo chở H về phòng trọ của H để H lấy 20.000 đồng, rồi cả hai quay lại giả vờ mua cam và đậu xe sát nơi chị L bán cam, đậu xe hướng ra đường Võ Văn Kiệt và xe vẫn nổ máy, cả hai vẫn ngồi trên xe và lợi dụng lúc chị L đang cúi xuống lựa cam để lột sợi dây chuyền vàng ra ngoài cổ áo nên H ngồi phía sau nhanh chóng dùng tay trái giật lấy sợi dây chuyền vàng này và vỗ vai kêu D tăng ga phóng nhanh chạy đi nhưng đi được khoảng 05m thì cả hai bị té ngã nên bỏ lại xe mô tô biển kiểm soát 83PT – 327.65 và sợi dây chuyền vàng rồi chạy thoát khỏi hiện trường. Đến 21 giờ 30 phút ngày 27/12/2018 Lê Văn D đã đến Công an phường A, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, riêng Nguyễn Anh H vẫn bỏ trốn.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03/BKL-HĐĐG ngày 16/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận BìnhThủy kết luận: giá trị của sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 1,5 chỉ có gắn đá hột thường khi được mua vào là 3.898.500 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ đã thu giữ, tạm giữ các vật chứng sau:

- 01 xe mô tô hiệu Wave màu xanh, biển kiểm soát 83PT – 327.65, số máy VMLFMI39FMB00014115, có 01 kính chiếu hậu bên trái, không yếm chắn gió (đã qua sử dụng);
- 01 sợi dây chuyền 18K, trọng lượng 1,5 chỉ có gắn đá hột thường;
- 01 áo sơ mi màu xanh đen tay dài, bên trên áo có ghi dòng chữ Who's Tray(XXL), trên cổ áo có ghi chữ VERSACE và hình đầu người màu trắng;
- 01 quần vải dài (quần tây) màu xám;
- 01 điện thoại di động hiệu Kubeer màu xám, số IMEI 1: 869332030240219, IMEI 2: 869332030240227;
- 01 chứng minh nhân dân số 371994246 mang tên Lê Văn D

Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ đã ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 36 ngày 09/01/2019 trả lại cho bị hại Nguyễn Thị L 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 1,5 chỉ có gắn đá hột thường.

- Số vật chứng còn lại, hiện cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, theo quyết định chuyển vật chứng số: 38/QĐ-VKSBT, ngày 22/5/2019).

Đối với Nguyễn Anh H do đã bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thủy đã tách ra, khi nào có đủ căn cứ sẽ tiến hành xử lý sau.

Căn cứ vào tình tiết và chứng cứ nêu trên, tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận hành vi: Do cần tiền tiêu xài nên khi H rủ đi tìm tài sản của người khác để cướp giật, bị cáo đồng ý. Cụ thể là bị cáo chở H, H ngồi phía sau xe, xe đang nổ máy, khi tiếp cận bị hại, lợi dụng sơ hở của bị hại, H giật sợi dây chuyển của bị hại, sau đó bị cáo nhanh chóng tăng ga cùng H bỏ chạy, nhưng chạy được khoảng 05m thì cả hai bị té ngã nên bỏ lại xe mô tô biển kiểm soát 83PT – 327.65 và sợi dây chuyển vàng rồi chạy thoát khỏi hiện trường. Đến 21 giờ 30 phút ngày 27/12/2018 bị cáo đã đến Công an phường A, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng đã nêu. Bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Đối với bị hại, bị hại ý kiến: Về phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, ngoài ra có không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê T, Lê Nhựt T (người giám hộ bà Lê Thị Thúy L) vắng mặt: tuy nhiên, trong quá trình điều tra, biên bản lấy lời khai, phía ông Lê T, anh Lê Nhựt T cho rằng khi cho bị cáo D mượn xe không biết bị cáo D sử dụng xe làm phương tiện đi cướp giật, ông Lê T, anh Lê Nhựt T yêu cầu được nhận lại chiếc xe mô tô hiệu Wave màu xanh, biển kiểm soát 83PT -327.65 vì đây là chiếc xe của ông Lê T mua để cho con là anh Lê Nhựt T dùng để đi học.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng. Đồng thời phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn D phạm tội: “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Áp dụng Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo D phải chịu từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự xử lý tang vật trong vụ án như sau:

- Đối với 01 áo sơ mi màu xanh đen tay dài, bên trên áo có ghi dòng chữ Who's Tray(XXL), trên cổ áo có ghi chữ VERSACE và hình đầu người màu trắng; 01 quần vải dài (quần tây) màu xám, do vật chứng, bị cáo khai nhận sử dụng bộ đồ này mặc để đi cướp giật, là bộ đồ bị hại nhận dạng, hiện không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

- Trả lại cho bị cáo 01 chứng minh nhân dân số 371994246 mang tên Lê Văn Dương, do đây là tài sản cá nhân của bị cáo.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Kubees màu xám, số IMEI 1: 869332030240219, IMEI 2: 869332030240227 do đây là tài không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo;

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Wave màu xanh, biển kiểm soát 83PT – 327.65, số máy VMLFMI39FMB00014115 vì đây là tài sản ông Lê T là chủ sở hữu, ông Lê T cho con trai là anh Lê Nhựt T sử dụng để đi học, việc bị cáo D mượn của Lê Nhựt T, Lê Nhựt T không biết bị cáo D sử dụng vào việc phạm tội. Do đó, nên trả lại cho ông Lê T.

Đối với hình phạt bổ sung là phạt tiền: không áp dụng vì bị cáo không có điều kiện thi hành.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Văn D phát biểu ý kiến: Luật sư thống nhất tội danh và điều luật truy tố của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, về phần trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, gia đình của bị

cáo có ông, cậu là người có công với cách mạng, mặc khác tuổi còn trẻ, hiện là sinh viên, còn bồng bột do bạn bè rủ rê nên đi vào con đường phạm tội, bị cáo tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, thiệt hại gây ra không lớn, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khi xảy ra vụ việc, bị cáo đã đến cơ quan đầu thú. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nên áp dụng điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xem xét cho bị cáo hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng khi người phạm tội có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ, quy định tại khoản 1 Điều 54 bộ luật hình sự, với mức hình phạt từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ luận tội và tranh luận đối đáp với Luật sư bào chữa của bị cáo: trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại phiên tòa hôm nay về hành vi của bị cáo đã đủ cơ sở truy tố theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đã cân nhắc và xem xét mức độ, hành vi phạm tội là hợp lý nên đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như trình bày nêu trên.

Bị cáo không tranh luận gì với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo thống nhất với quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo, không ý kiến gì thêm.

Bị hại không tranh luận gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng, bị cáo ăn năn hối cải. Yêu cầu Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Bình Thủy, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: bị cáo chở H tiếp cận bị hại, sau đó H ngồi phía sau xe giật sợi dây chuyền của bị hại và bị cáo nhanh chóng tăng ga cùng H bỏ chạy, nhưng chạy được khoảng 05m thì cả hai bị té ngã nên bỏ lại xe mô tô biển kiểm soát 83PT – 327.65 và sợi dây chuyền vàng rồi chạy thoát khỏi hiện trường. Đến 21 giờ 30 phút ngày 27/12/2018 bị cáo đã đến Công an phường A, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai người bị hại cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Hành vi do bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng số: 38/QĐ-VKSBT, ngày 22/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nhận thấy: khi H rủ đi tìm tài sản cướp giật, bị cáo không phản đối mà đồng ý cùng thực hiện phạm tội, khi tiếp cận bị hại, bị cáo chở H ngồi sau và xe vẫn gồ máy, sau đó H lợi dụng sơ hở của bị hại giật lấy sợi dây chuyền bị hại, bị cáo tăng ga cùng H nhanh chóng chạy đi. Hành vi này

cho thấy, bị cáo là có ý thức, chủ động tăng ga để khi H giật xong là nhanh chóng thoát thân, mặt khác, bị cáo sử dụng phương tiện là xe mô tô để đi cướp giật đây được xem là nguồn nguy hiểm cao độ, mang tính chất liều lĩnh và táo bạo, hành vi này có khả năng gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe người khác. Và đây, cũng là tình tiết định khung được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự là dùng thủ đoạn nguy hiểm.

Bị cáo là một công dân có đầy đủ nhận thức và năng lực hành vi dân sự, bị cáo nhận thức rõ việc cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền tiêu xài cho bản thân mà bị cáo vẫn bất chấp pháp luật và đã có hành vi cướp giật tài sản của bị hại. Hành vi của bị cáo không những trực tiếp gây thiệt hại đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn gây hoang mang trong cộng đồng dân cư, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương

Xét thấy, đây là vụ án đồng phạm giản đơn, mang tính chất tự phát, không có tổ chức. Do đó, tùy vào mức độ, hành vi của bị cáo mà Hội đồng xét xử có mức án tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo:

[4.1] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa hôm nay, luật sư bào chữa cho bị cáo ý kiến: bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã trình bày nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nên áp dụng điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xem xét cho bị cáo hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng khi người phạm tội có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ, quy định tại khoản 1 Điều 54 bộ luật hình sự, với mức hình phạt từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình điều tra, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa đã thể hiện:

- Đối với tài sản bị cáo cướp giật, khi bị cáo và H té ngã, bị cáo và H nhanh chóng bỏ chạy, đã bỏ lại hiện trường xe và sợi dây chuyền vàng của bị hại, bị hại đã nhận lại tài sản. Do đó, luật sư cho rằng bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không có cơ sở.

- Đối với việc áp dụng điểm h, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, Luật sư cho rằng thiệt hại gây ra không lớn, tài sản cướp giật giá trị không lớn, cũng như các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử, nhận thấy, các tình tiết này sẽ được cân nhắc khi lượng hình. Tuy nhiên, để xem xét cho bị cáo hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 bộ luật hình sự và theo đề nghị của Luật sư bào chữa của bị cáo mức hình phạt từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù thì Hội đồng xét xử còn phải xét đến tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Trong vụ án này, bị cáo dùng phương tiện xe mô tô, nguồn nguy hiểm cao độ để cướp giật tài sản, hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm, đây là tình tiết định khung được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự là dùng thủ đoạn nguy hiểm. Có mức hình phạt từ 03 đến 10 năm.

Về hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo không có điều kiện thi hành nên miễn hình phạt này.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản, ngoài ra bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét.

Xét các vật chứng thu giữ:

- 01 áo sơ mi màu xanh đen tay dài, bên trên áo có ghi dòng chữ Who's Tray(XXL), trên cổ áo có ghi chữ VERSACE và hình đầu người màu trắng; 01 quần vải dài (quần tây) màu xám, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

- Trả lại cho bị cáo 01 chứng minh nhân dân số 371994246 mang tên Lê Văn Dương, do đây là tài sản cá nhân của bị cáo.

- Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Kubeer màu xám, số IMEI 1: 869332030240219, IMEI 2: 869332030240227 (đã qua sử dụng) do đây là tài không sử dụng vào việc phạm tội;

- Trả lại cho ông Lê T 01 xe mô tô hiệu Wave màu xanh, biển kiểm soát 83PT – 327.65, số máy VMLFMI39FMB00014115 (đã qua sử dụng) vì không sử dụng vào việc phạm tội.

Đối với Nguyễn Anh H do đã bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thủy đã tách ra, khi nào có đủ căn cứ sẽ tiến hành xử lý sau.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) .

Tuyên bố : Lê Văn D phạm tội: “ Cướp giật tài sản”

Xử phạt: Lê Văn D 03 (ba) năm tù.

Thời hạn phạt tù đối với bị cáo D, tính từ ngày 28 tháng 12 năm 2018.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản, ngoài ra bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét.

Xử lý vật chứng: căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Tịch thu tiêu hủy 01 áo sơ mi màu xanh đen tay dài, bên trên áo có ghi dòng chữ Who's Tray(XXL), trên cổ áo có ghi chữ VERSACE và hình đầu người màu trắng; 01 quần vải dài (quần tây) màu xám.

- Trả lại cho bị cáo: 01 chứng minh nhân dân số 371994246 mang tên Lê Văn D, do đây là tài sản cá nhân của bị cáo.

- Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Kubeer màu xám, số IMEI 1: 869332030240219, IMEI 2: 869332030240227 (đã qua sử dụng) do đây là tài không sử dụng vào việc phạm tội;

- Trả lại cho ông Lê T 01 xe mô tô hiệu Wave màu xanh, biển kiểm soát 83PT – 327.65, số máy VMLFMI39FMB00014115 (đã qua sử dụng).

(Các vật chứng nêu trên hiện cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, theo quyết định chuyển vật chứng số: 38/QĐ-VKSBT, ngày 22/5/2019).

Đối với Nguyễn Anh H do đã bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thủy đã tách ra, khi nào có đủ căn cứ sẽ tiến hành xử lý sau.

Về án phí: căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày: kể từ ngày tuyên án đối với bị cáo, bị hại; kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

* Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người TGT;
- VKS ND Q.BT;
- Chi cục THA DS Q.BT;
- TAND TP.CT;
- VKSND TP. CT
- CA. QBT
- Lưu hồ sơ vụ án.

Từ Thanh Đào